



dòu róng

豆蓉

noun · bean paste (filling)

Example Sentences

zhè ge yuè bǐng shì dòu róng xiàn de

这个月饼是豆蓉馅的。

This mooncake has a bean paste filling.

dòu róng bāo zi zài nán fāng hěn shòu huān yíng

豆蓉包子在南方很受欢迎。

Bean paste buns are very popular in the south.

Trace each character, then write the word on your own.

豆	豆	豆	豆	豆	豆	豆	豆	豆	豆	
蓉	蓉	蓉	蓉	蓉	蓉	蓉	蓉	蓉	蓉	蓉
蓉	蓉	蓉	蓉	蓉						